TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 799/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận F, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 679/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Trương Đức T, sinh năm 1966

Địa chỉ: 242/75/5 BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Dư M, sinh năm 1971

Địa chỉ: 242/75/5 BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Xét thấy: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/10/2018, ông Trương Đức T và bà Dư M đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đức T và bà Dư M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trương Đức T và bà Dư M có với nhau 03 con chung tên Trương Lệ S, sinh ngày 08/4/1993; Trương Lệ N, sinh ngày 07/11/1995 và Trương Gia P, sinh ngày 31/10/1997. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Đức T và bà Dư M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Trương Đức T và bà Dư M không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Trương Đức T và bà Dư M nộp, được tính vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0010383 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Đức T và bà Dư M đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 101/91, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/1991 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận F;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận F;
- UBND Phường L, Quận H;
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Bình